

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 25 tháng 6 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Phở	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban
Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên (từ ngày 25/4/2015)
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên (đến ngày 25/4/2015)

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/7/2015)
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành (từ ngày 1/6/2015)
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành (từ ngày 2/1/2016)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Đà Nẵng, 21-03-2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

#### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-3r



Trần Anh Quân  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0306-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>749.144.202.858</b>	<b>796.303.831.233</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.816.627.729</b>	<b>42.884.483.121</b>
Tiền	111		21.424.995.247	10.984.483.121
Các khoản tương đương tiền	112		2.391.632.482	31.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.432.812.500</b>	<b>3.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	4.432.812.500	3.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>253.235.488.825</b>	<b>309.093.846.892</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	219.420.917.009	287.308.132.064
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.366.441.763	18.810.627.005
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		522.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.949.968.165	3.873.068.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.023.838.112)	(897.981.082)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>417.470.958.124</b>	<b>403.219.245.145</b>
Hàng tồn kho	141		418.231.458.124	403.800.544.635
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(760.500.000)	(581.299.490)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.188.315.680</b>	<b>37.806.256.075</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	5.134.979.518	3.288.939.152
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.991.552.003	34.485.680.086
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	16(a)	61.784.159	31.636.837

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>525.019.214.028</b>	<b>407.899.186.908</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.468.000.000</b>	<b>1.954.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.468.000.000	1.954.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>465.928.254.076</b>	<b>363.263.730.019</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	462.340.952.311	362.394.729.533
Nguyên giá	222		907.130.082.875	744.296.051.777
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(444.789.130.564)	(381.901.322.244)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.587.301.765	869.000.486
Nguyên giá	228		7.530.478.524	3.951.068.124
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.943.176.759)	(3.082.067.638)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.945.544.447</b>	<b>3.941.942.961</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.945.544.447	3.941.942.961
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.669.902.361</b>	<b>25.525.879.159</b>
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	32.686.900.000	15.832.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	7.700.000.000	7.700.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	9.355.702.000	10.705.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(17.077.699.639)	(8.712.222.841)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	5.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.007.513.144</b>	<b>13.213.634.769</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	22.007.513.144	13.213.634.769
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.274.163.416.886</b>	<b>1.204.203.018.141</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>985.480.216.489</b>	<b>944.235.823.009</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>744.535.569.499</b>	<b>783.420.239.615</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	167.422.868.096	191.617.260.703
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.740.961.040	1.103.649.673
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	3.545.886.857	3.674.479.359
Phải trả người lao động	314		138.786.506.543	88.247.906.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.118.650.512	6.537.021.690
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.202.834.275	9.172.989.896
Vay ngắn hạn	320	19(a)	382.088.445.718	476.044.942.160
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	23.629.416.458	7.021.989.234
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>240.944.646.990</b>	<b>160.815.583.394</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	15	3.054.133.000	4.579.133.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.942.000.000	-
Vay dài hạn	338	19(b)	215.948.513.990	156.236.450.394
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>288.683.200.397</b>	<b>259.967.195.132</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>288.683.200.397</b>	<b>259.967.195.132</b>
Vốn cổ phần	411	22	157.500.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.500.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	59.999.326.634	50.718.782.765
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.183.873.763	59.248.412.367
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.832.076	4.347.231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.145.041.687	59.244.065.136
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.274.163.416.886</b>	<b>1.204.203.018.141</b>

21 -03- 2016

Người lập:

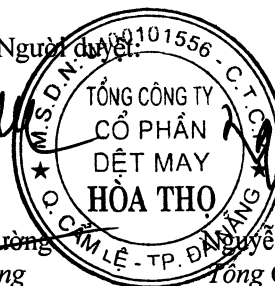


Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.984.727.002.764	2.578.984.887.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	3.141.755.291	59.702.537
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>2.981.585.247.473</b>	<b>2.578.925.184.782</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.672.068.848.493	2.350.515.778.602
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>309.516.398.980</b>	<b>228.409.406.180</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	23.355.366.809	8.318.036.729
Chi phí tài chính	22	28	64.753.896.735	36.450.023.311
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.307.593.611	21.601.619.055
Chi phí bán hàng	25	29	100.688.417.364	76.234.006.901
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	94.522.312.381	65.088.016.836
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>72.907.139.309</b>	<b>58.955.395.861</b>
Thu nhập khác	31	31	6.952.182.850	6.604.581.262
Chi phí khác	32		3.585.006.443	2.014.551.099
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.367.176.407</b>	<b>4.590.030.163</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>76.274.315.716</b>	<b>63.545.426.024</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	5.129.274.029	4.301.360.888
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>71.145.041.687</b>	<b>59.244.065.136</b>

21 -03- 2016

Người lập:

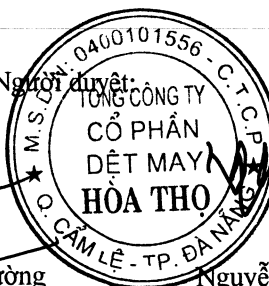
*Duyet*

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyễn Văn Cường*

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Đức Trị*  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>76.274.315.716</b>	<b>63.545.426.024</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		73.978.772.271	83.494.512.855
Các khoản dự phòng	03		8.670.534.338	3.115.423.215
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.527.789.408	1.877.846.642
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.989.572.543)	(2.745.191.159)
Chi phí lãi vay	06		21.307.593.611	21.601.619.055
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>184.769.432.801</b>	<b>170.889.636.632</b>
Biến động các khoản phải thu	09		45.528.295.856	(119.277.809.649)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.430.913.489)	(99.019.145.099)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		50.650.043.343	116.665.330.746
Biến động chi phí trả trước	12		(848.810.602)	(2.075.127.183)
			<b>265.668.047.909</b>	<b>67.182.885.447</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.445.207.618)	(21.725.355.988)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.381.244.311)	(4.328.687.776)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		649.810.686	117.525.540
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.971.419.884)	(3.533.349.819)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>235.519.986.782</b>	<b>37.713.017.404</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(178.824.022.726)	(101.415.610.505)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		1.331.477.092	958.500.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.037.812.500)	(3.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		864.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(15.500.000.000)	(3.214.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.777.381.871	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.981.317.769	2.051.522.317
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(189.407.658.494)</b>	<b>(104.919.588.188)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

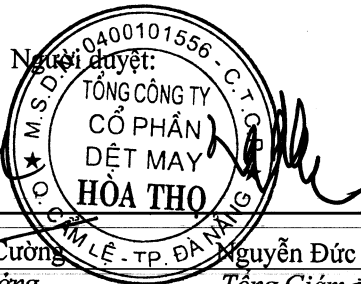
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		7.500.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.281.670.341.466	1.894.081.441.941
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.324.099.750.647)	(1.769.860.768.243)
Tiền trả cổ tức	36		(30.264.847.383)	(29.381.076.920)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(65.194.256.564)</b>	<b>94.839.596.778</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(19.081.928.276)</b>	<b>27.633.025.994</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	42.884.483.121	15.212.625.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		14.072.884	38.832.076
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 +61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>23.816.627.729</b>	<b>42.884.483.121</b>

**21 -03- 2016**

Người lập:

*Chuyên viên*

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2015: 4 công ty con) và 2 công ty liên kết, được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 7.471 nhân viên (1/1/2015: 6.258 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200.

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí đào tạo**

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	23.863.500	49.596.300
Tiền gửi ngân hàng	21.401.131.747	10.934.886.821
Các khoản tương đương tiền	2.391.632.482	31.900.000.000
	23.816.627.729	42.884.483.121

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	4.432.812.500	4.432.812.500	3.300.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	5.000.000	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 đến 60 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,2% đến 6,75% một năm (2014: 7% đến 7,5% một năm).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015			1/1/2015			Dự phòng VND	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết		Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:										
<i>Công ty con</i>										
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	266.790	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	84.914.979	406.350	54,18%	4.063.500.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000	-	267.300	53,46%	2.673.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	155.000	51,00%	51,00%	15.500.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ (*)	Đà Nẵng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
					32.686.900.000	2.752.814.979			15.832.400.000	2.667.900.000
<i>Công ty liên kết</i>										
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	4.000.000.000	400.000	20,00%	4.000.000.000	3.487.401.749
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	Quảng Nam	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000	3.539.755.187	370.000	37,00%	3.700.000.000	2.556.921.092
					7.700.000.000	7.539.755.187			7.700.000.000	6.044.322.841

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		1/1/2015		Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết			
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	-	65.000	7,12%	855.702.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	-	60.000	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế	160.000	8,00%	8,00%	485.129.473	160.000	16,00%	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	-	135.000	7,86%	1.350.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	630.000	14,00%	6.300.000.000	-
								10.705.702.000	-
					6.785.129.473			34.238.102.000	8.712.222.841

(\*) Ngày 27 tháng 10 năm 2015, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ra Quyết định số 803/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ trên cơ sở Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ, một chi nhánh của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401705303 ngày 12 tháng 11 năm 2015. Công ty con này sẽ chính thức đi vào hoạt động từ năm 2016.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Motives (Far East) Limited	72.384.107.706	76.891.575.444
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	22.025.410.219	-
Destination XL Group Inc.	16.237.124.625	8.370.298.769
Aurora Investment Global Inc	15.642.169.827	40.218.806.703
Supreme International Inc.	15.570.202.788	16.225.679.168
Ashraf Sadek El Sayed El Betar	-	27.644.912.560
Các khách hàng khác	77.561.901.844	117.956.859.420
	219.420.917.009	287.308.132.064

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 139.646 triệu VND (1/1/2015: 187.154 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Công ty con</b>		
• Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	3.707.485.375	5.892.924.793
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	278.900.000	96.575.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	206.610.470	22.549.500
<b>Công ty liên kết</b>		
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	87.634.800	6.897.000
• Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	309.939.190	-
Các công ty liên quan khác	507.172.655	3.067.841.337
	5.097.742.490	9.086.787.630

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con, công ty liên kết, và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã phân loại lại</b>
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	2.011.318.268	1.571.650.162
Tạm ứng	1.475.809.872	854.118.606
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	1.895.221.076	-
Phải thu khác	1.567.618.949	1.447.300.137
	<hr/>	
	6.949.968.165	3.873.068.905
	<hr/>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2015			1/1/2015			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	299.852.000	128.508.000	Từ 2 – 3 năm	428.360.000	299.852.000	128.508.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	464.924.753	-	Từ 2 – 3 năm	464.924.753	360.290.002	104.634.751
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	96.888.118	-	Từ 2 – 3 năm	116.888.119	81.821.683	35.066.436
Khác	Trên 3 năm	162.173.241	162.173.241	-	Trên 3 năm	162.173.240	156.017.397	6.155.843
		<b>1.152.346.112</b>	<b>1.023.838.112</b>	<b>128.508.000</b>		<b>1.172.346.112</b>	<b>897.981.082</b>	<b>274.365.030</b>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<b>1.023.838.112</b>				<b>897.981.082</b>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	52.349.634.767	-	63.875.076.618	-
Nguyên vật liệu	101.761.668.573	-	130.566.335.007	(347.647.900)
Công cụ và dụng cụ	289.058.393	-	277.421.717	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.331.742.732	-	142.192.679.374	-
Thành phẩm	67.000.827.456	(730.053.436)	57.658.581.065	(230.728.348)
Hàng hóa	2.583.901.006	(30.446.564)	681.360.425	(2.923.242)
Hàng gửi đi bán	23.914.625.197	-	8.549.090.429	-
	<b>418.231.458.124</b>	<b>(760.500.000)</b>	<b>403.800.544.635</b>	<b>(581.299.490)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 388.000 triệu VND (1/1/2015: 351.408 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 19(a)).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	156.502.299.889	518.589.871.400	25.348.719.203	5.671.764.676	38.183.396.609	744.296.051.777
Tăng trong năm	4.163.310.909	13.252.583.043	2.013.175.727	802.534.728	2.003.397.913	22.235.002.320
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	45.158.290.169	85.940.701.809	183.621.726	-	20.296.874.093	151.579.487.797
Thanh lý	(4.834.840.796)	(5.271.012.543)	-	(127.050.100)	(747.555.580)	(10.980.459.019)
Số dư cuối năm	200.989.060.171	612.512.143.709	27.545.516.656	6.347.249.304	59.736.113.035	907.130.082.875
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	53.146.234.168	290.283.748.103	14.962.043.676	4.245.413.295	19.263.883.002	381.901.322.244
Khấu hao trong năm	12.232.474.644	52.068.930.872	2.856.284.529	620.440.781	5.339.532.324	73.117.663.150
Thanh lý	(4.213.936.195)	(5.246.240.145)	-	(127.050.100)	(642.628.390)	(10.229.854.830)
Số dư cuối năm	61.164.772.617	337.106.438.830	17.818.328.205	4.738.803.976	23.960.786.936	444.789.130.564
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	103.356.065.721	228.306.123.297	10.386.675.527	1.426.351.381	18.919.513.607	362.394.729.533
Số dư cuối năm	139.824.287.554	275.405.704.879	9.727.188.451	1.608.445.328	35.775.326.099	462.340.952.311

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 156.321 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 157.322 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 462.341 triệu VND (1/1/2015: 362.395 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 19(a)) và dài hạn (Thuyết minh 19(b)) của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	3.951.068.124
Tăng trong năm	3.579.410.400
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.530.478.524
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	3.082.067.638
Khấu hao trong năm	861.109.121
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.943.176.759
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	869.000.486
Số dư cuối năm	3.587.301.765
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.987 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.814 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm	3.941.942.961	9.491.358.138
Tăng trong năm	160.374.197.422	76.148.100.704
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(151.579.487.797)	(80.538.991.113)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(91.587.273)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.791.108.139)	(1.051.937.495)
Xóa sổ	-	(15.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.945.544.447	3.941.942.961
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mở rộng nhà máy May Hòa Thọ 1	610.861.637	44.649.457
Mở rộng nhà máy May Đông Hà	2.248.630.984	149.716.773
Nhà vòm phân xưởng Sợi 1	-	2.138.233.091
Khác	86.051.826	1.609.343.640
	<hr/>	<hr/>
	2.945.544.447	3.941.942.961
	<hr/>	<hr/>

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	302.470.897	258.700.904
Công cụ và dụng cụ	2.759.912.636	2.398.475.631
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	560.017.951	393.484.477
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.512.578.034	238.278.140
	<hr/>	<hr/>
	5.134.979.518	3.288.939.152
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ</b>	<b>Chi phí đào tạo</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	12.092.717.460	702.694.029	418.223.280	13.213.634.769
Tăng trong năm	8.795.474.527	-	644.048.410	9.439.522.937
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.709.643.260	-	1.081.464.879	9.791.108.139
Thanh lý	(18.724.998)	-	-	(18.724.998)
Phân bổ trong năm	(9.360.009.169)	(539.067.775)	(518.950.759)	(10.418.027.703)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.219.101.080	163.626.254	1.624.785.810	22.007.513.144
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Các khoản phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hultafors Group AB	24.036.163.668	24.036.163.668	9.813.428.167	9.813.428.167
Công ty Cổ phần May				
Hoà Thọ Quảng Nam	12.057.880.863	12.057.880.863	16.486.905.119	16.486.905.119
Motives (Far East) Limited	9.574.682.825	9.574.682.825	26.933.597.935	26.933.597.935
Kufner Hongkong Ltd.	9.542.122.310	9.542.122.310	8.847.937.637	8.847.937.637
Cargill Cotton Ltd.	6.473.251.964	6.473.251.964	16.120.683.014	16.120.683.014
Ban Quản lý Cơ sở Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị	4.579.133.000	4.579.133.000	6.104.133.000	6.104.133.000
Indorama Polyester Industries Pcl.	-	-	15.859.207.584	15.859.207.584
Các nhà cung cấp khác	104.213.766.466	104.213.766.466	96.030.501.247	96.030.501.247
	<b>170.477.001.096</b>	<b>170.477.001.096</b>	<b>196.196.393.703</b>	<b>196.196.393.703</b>

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	167.422.868.096	167.422.868.096	191.617.260.703	191.617.260.703
Dài hạn	3.054.133.000	3.054.133.000	4.579.133.000	4.579.133.000
	<b>170.477.001.096</b>	<b>170.477.001.096</b>	<b>196.196.393.703</b>	<b>196.196.393.703</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty con</i>				
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Quảng Nam	12.057.880.863	12.057.880.863	16.486.905.119	16.486.905.119
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Hội An	31.096.062	31.096.062	-	-
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức	-	-	1.104.019.297	1.104.019.297
<i>Các bên liên quan khác</i>				
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	474.198.932	474.198.932	215.783.326	215.783.326
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ Phần	1.376.675.309	1.376.675.309	4.573.535.775	4.573.535.775
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	648.420.366	648.420.366	2.470.685.085	2.470.685.085
Công ty TNHH Coast Phong Phú	890.407.442	890.407.442	1.792.215.323	1.792.215.323
	<b>15.478.678.974</b>	<b>15.478.678.974</b>	<b>26.643.143.925</b>	<b>26.643.143.925</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con, công ty liên kết, và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế nhà thầu	31.636.837	-	(21.429.153)	10.207.684
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.012.280	-	49.012.280
Các loại thuế khác	-	2.564.195	-	2.564.195
	<b>31.636.837</b>	<b>51.576.475</b>	<b>(21.429.153)</b>	<b>61.784.159</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.031.502.399	74.551.321.946	(74.385.717.895)	2.197.106.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.600.750.689	5.129.274.029	(5.381.244.311)	1.348.780.407
Thuế thu nhập cá nhân	13.224.907	922.851.821	(936.076.728)	-
Các loại thuế khác	29.001.364	9.842.596.360	(9.871.597.724)	-
	<b>3.674.479.359</b>	<b>90.446.044.156</b>	<b>(90.574.636.658)</b>	<b>3.545.886.857</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí hoạt động	8.270.151.703	5.802.541.088
Chi phí lãi vay	455.253.162	592.867.169
Các khoản trích trước khác	393.245.647	141.613.433
	<b>9.118.650.512</b>	<b>6.537.021.690</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Kinh phí công đoàn	4.893.980.750	4.343.573.457
Bảo hiểm xã hội	1.458.566	920.056.227
Bảo hiểm y tế	-	222.042.149
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.613.000	-
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.672.021.554	-
Cổ tức phải trả	354.075.697	618.923.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.239.684.708	3.068.394.983
	<b>12.202.834.275</b>	<b>9.172.989.896</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Đã phân loại lại Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	425.120.324.900	425.120.324.900	2.183.424.100.211	(2.284.760.730.985)	323.783.694.126	323.783.694.126
Vay dài hạn đến hạn trả	50.924.617.260	50.924.617.260	47.271.396.873	(39.891.262.541)	58.304.751.592	58.304.751.592
	476.044.942.160	476.044.942.160	2.230.695.497.084	(2.324.651.993.526)	382.088.445.718	382.088.445.718

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,3% - 1,45%	68.973.312.499	114.566.066.151
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	USD	1,3% - 1,45%	64.757.770.302	94.748.488.430
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	USD	1,3% - 1,55%	47.299.070.820	74.028.853.760
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	1,3%	36.988.157.420	7.896.882.939
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ - Hà Nội (i)	VND	6,0%	36.317.988.504	-
Ngân hàng Indovina (i)	USD	1,35%	19.732.663.024	22.642.685.571
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,3% - 1,4%	16.679.548.566	11.796.186.091
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	USD	1,35% - 1,4%	11.382.179.448	15.952.814.055
Ngân hàng HSBC (i)	USD	1,3% - 1,55%	9.527.919.809	22.698.393.653
Ngân hàng ANZ (i)	USD	1,5%	5.531.334.757	17.822.856.945
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	VND	4,5%	3.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	VND	4%	2.993.748.977	132.171.000
Vay từ Ban liên lạc lưu trí (ii)	VND	10%	100.000.000	42.834.926.305
Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	USD	1,8% - 1,95%	-	-
			323.783.694.126	425.120.324.900

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Vay dài hạn  
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	274.253.265.582	207.161.067.654
	(58.304.751.592)	(50.924.617.260)
	<b>215.948.513.990</b>	<b>156.236.450.394</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
USD	4,5%	2023	72.088.692.522	-
VND	8,4%	2019	47.607.635.988	47.607.635.988
USD	4,5%	2021	44.675.540.010	48.393.758.568
USD	6,0%	2018	23.057.712.546	34.049.396.187
USD	4,0%	2020	19.783.990.413	-
USD	5,5%	2018	15.306.828.577	22.568.863.161
USD	5,5%	2020	13.436.827.701	16.481.960.397
USD	5,0%	2021	6.742.413.378	-
USD	3,0%	2017	6.310.920.000	8.972.460.000
VND	6,0%	2019	5.146.340.000	-
USD	6,0%	2018	5.136.547.944	7.623.301.098
VND	9,2%	2019	5.026.160.000	6.959.360.000
USD	4,0%	2020	3.748.843.126	-
USD	4,0%	2018	1.691.795.371	-
USD	5,2%	2016	1.409.975.829	3.842.294.918
VND	10,6%	2016	1.299.990.000	4.549.995.000
VND	8,5%	2021	887.140.000	1.013.875.000
USD	5,2%	2016	484.791.351	2.182.619.684
USD	5,0%	2017	288.846.751	589.673.703
USD	5,5%	2016	122.274.075	463.577.100
VND	0%	2015	-	1.158.386.000
USD	5,8%	2015	-	703.910.850
			<b>274.253.265.582</b>	<b>207.161.067.654</b>

Các khoản vay dài hạn là từ các ngân hàng trong nước và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.021.989.234	2.594.981.515
Trích lập trong năm	19.929.036.422	7.842.831.998
Tăng khác	649.810.686	117.525.540
Sử dụng trong năm	(3.971.419.884)	(3.533.349.819)
Số dư cuối năm	<u>23.629.416.458</u>	<u>7.021.989.234</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	150.000.000.000	31.370.547.429	9.663.374.821	47.532.039.744	238.565.961.994
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	59.244.065.136	59.244.065.136
Phân bổ vào các quỹ	-	7.308.475.889	2.376.384.626	(9.684.860.515)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.842.831.998)	(7.842.831.998)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	150.000.000.000	38.679.023.318	12.039.759.447	59.248.412.367	259.967.195.132
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã phân loại lại</b>	150.000.000.000	50.718.782.765	-	59.248.412.367	259.967.195.132
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây</b>	150.000.000.000	38.679.023.318	12.039.759.447	59.248.412.367	259.967.195.132
<b>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 3)</b>	-	12.039.759.447	(12.039.759.447)	-	-
Phát hành cổ phiếu	7.500.000.000	-	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	71.145.041.687	71.145.041.687
Phân bổ vào các quỹ	-	9.280.543.869	-	(9.280.543.869)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.929.036.422)	(19.929.036.422)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	157.500.000.000	59.999.326.634	-	71.183.873.763	288.683.200.397

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	750.000	7.500.000.000	-	-
Số dư cuối năm	15.750.000	157.500.000.000	15.000.000	150.000.000.000

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

**24. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 30.000 triệu VND cho năm 2014 (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014), (2014: 30.000 triệu VND cho năm 2013 tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận gia công	45.335.207.630	80.423.759.927

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	280.882	6.307.078.991	282.650	6.038.245.327
EUR	1.781	43.562.201	338	8.751.961
		<u>6.350.641.192</u>		<u>6.046.997.288</u>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	83.405.408.000	201.000.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã phân loại lại</b>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.984.727.002.764	2.578.984.887.319
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(59.702.537)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.141.755.291)	-
	2.981.585.247.473	2.578.925.184.782
Doanh thu thuần	2.981.585.247.473	2.578.925.184.782

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	1.669.717.769	224.922.317
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	427.381.871	-
Cổ tức được chia	1.311.600.000	1.865.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.928.476.340	6.169.958.956
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.190.829	57.555.456
	23.355.366.809	8.318.036.729
	23.355.366.809	8.318.036.729

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	21.307.593.611	21.601.619.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.553.036.918	9.873.011.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.527.789.408	1.877.846.642
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	8.365.476.798	3.097.545.982
	64.753.896.735	36.450.023.311
	64.753.896.735	36.450.023.311

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	4.077.767.483	2.324.108.345
Chi phí vật liệu, bao bì	768.231.309	354.378.277
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.451.175.465	2.856.598.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.770.861	803.842.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.253.744.590	63.848.746.360
Chi phí khác	9.961.727.656	6.046.332.227
	<b>100.688.417.364</b>	<b>76.234.006.901</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	52.159.811.206	33.455.619.737
Chi phí vật liệu quản lý	18.077.712	150.400.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.994.723.394	1.923.391.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.751.176.642	3.669.509.723
Thuế, phí và lệ phí	2.074.195.113	2.374.308.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.171.911.913	7.997.476.361
Chi phí khác	19.352.416.401	15.517.310.604
	<b>94.522.312.381</b>	<b>65.088.016.836</b>

**31. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
		<b>Đã phân loại lại</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	580.872.903	708.668.842
Giảm công nợ đối với nhà cung cấp	4.944.901.038	4.266.606.499
Các khoản khác	1.426.408.909	1.629.305.921
	<b>6.952.182.850</b>	<b>6.604.581.262</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.698.696.028.126	1.568.943.717.227
Chi phí nhân công	574.447.581.508	432.545.818.271
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.978.772.271	83.494.512.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	553.168.658.435	418.360.190.656

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	5.030.363.239	4.301.360.888
Dự phòng thiếu trong những năm trước	98.910.790	-
	<b>5.129.274.029</b>	<b>4.301.360.888</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.274.315.716	63.545.426.024
<b>Thuế tính theo thuế suất của Công ty</b>	<b>7.627.431.572</b>	<b>6.354.542.602</b>
Ưu đãi thuế	(3.602.812.509)	(2.956.203.509)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	915.291.789	955.487.390
Chi phí không được khấu trừ thuế	109.163.385	291.191.554
Thu nhập không bị tính thuế	(131.160.000)	(186.560.000)
Giảm thuế	(288.895.600)	(380.662.586)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	401.344.602	223.565.437
Dự phòng thiếu trong những năm trước	98.910.790	-
	<b>5.129.274.029</b>	<b>4.301.360.888</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho năm 2015 (2014: 22%), và 20% từ năm 2016.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	21.484.964.000	21.484.964.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.569.394.471	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.019.534.493	-
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.452.079.362	3.492.717.086
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.509.331.592	1.712.193.205
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	118.820.091.782	106.103.836.739
Góp vốn	-	3.214.000.000
Cổ tức nhận được	1.285.600.000	642.800.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.970.317.736	40.932.347.772
Cổ tức nhận được	-	541.800.000
Góp vốn	1.354.500.000	-
<b>Công ty Cổ phần may Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.866.484.159	35.765.110.514
<b>Công ty CP Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Góp vốn	15.500.000.000	-
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.268.322.827	24.116.718.688
<b>Công ty Cổ phần May Hiệp Đức</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.139.652.934	1.006.653.907

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2015 VND	2014 VND
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	621.508.713	3.009.359.373
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.947.872.807	4.110.449.797
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	966.199.296
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.472.085.108	3.123.800.484
<i>Công ty TNHH Coast Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.807.835.906	15.410.011.604
<i>Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	11.306.208.292
<i>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.836.567.545
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.676.800.390	6.257.921.055
<i>Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	3.318.107.500
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	313.536.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành và Ban kiểm soát</b>		
Tiền lương và thưởng	7.111.556.871	5.350.849.832

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Mua tài sản chưa thanh toán	7.364.587.416	-
Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ công nợ	1.354.500.000	-

**36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, ngày 23 tháng 2 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng là 3.000 VND trên một cổ phiếu. Việc tạm ứng cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện bắt đầu từ sau ngày 16 tháng 5 năm 2016.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	3.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.873.068.905	4.955.046.571
Tài sản ngắn hạn khác	-	854.118.606
Phải thu về cho vay dài hạn	1.954.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	191.617.260.703	190.092.260.703
Phải trả ngắn hạn khác	9.172.989.896	9.155.086.168
Vay ngắn hạn	476.044.942.160	477.569.942.160
Phải trả người bán dài hạn	4.579.133.000	-
Nợ dài hạn khác	-	4.579.133.000
Quỹ đầu tư phát triển	50.718.782.765	38.679.023.318
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.039.759.447

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2014 (đã phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.578.984.887.319	2.577.473.959.268
Thu nhập khác	6.604.581.262	8.365.340.471
Chi phí khác	2.014.551.099	2.264.382.257

**21-03-2016**

Người lập:

**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên



**Nguyễn Văn Cường**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Đức Trí**  
Tổng Giám đốc